

Bản án số: 20/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 13/5/2020.

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NGUYỄN TIẾN HÙNG.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà NGUYỄN THỊ TÍCH;

- Ông LÊ HUY TRỌNG.

- Thư ký phiên tòa: Ông LÊ VIỆT CƯỜNG, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TO, Tp. HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Tp.HN tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM, kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TO - TP. HN xét xử công khai vụ án thụ lý số: 23/2002/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về: "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXX - ST ngày 10 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị VTT, sinh năm 1991.

ĐKNKTT và nơi ở: Thôn TG, xã TC, huyện TO, Tp. HN.

Bị đơn: Anh NHQ, sinh năm 1991.

ĐKNKTT và nơi ở: Thôn TG, xã TC, huyện TO, HN.

Tại phiên tòa chị T có mặt, anh Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, chị VTT trình bày:

Chị và anh NHQ quen biết nhau từ thời còn là sinh viên, đi học, sau khoảng thời gian 02 năm tìm hiểu thì tổ chức cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện TO, Tp. HN ngày 24/5/2011 trên cơ sở tự nguyện của hai bên, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được một con chung, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn vì anh Q sống không chung thủy và có 01 con riêng, từ tháng 6 năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị không còn ở nhà anh Q nữa, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị khởi kiện đề nghị Tòa án TO, Tp HN giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là NLC, sinh ngày 05/12/2011 hiện chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn chị có quan điểm nhận nuôi cháu C và yêu cầu anh Q trợ cấp nuôi cháu C: 2.000.000đồng/01 tháng cho đến khi cháu C trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác: Chị khai nhận không có.

Sau khi thụ lý vụ án, toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh NHQ không đến toà án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 21/02/2020 tại gia đình anh NHQ, tòa án tiến hành xác minh bà T(không cung cấp tên, tuổi) là mẹ đẻ anh Q cho biết: Sau khi tổ chức cưới cho chị T, anh Q thì gia đình bà cho anh, chị ở giềng, tài sản chung không liên quan đến gia đình bà, việc Tòa án gửi giấy triệu tập, thông báo Thụ lý, thông báo về việc hòa giải cho anh Q, vì anh Q đi làm ăn nên không về giải quyết ly hôn, gia đình bà không đồng ý ly hôn, sau khi cung cấp lời trình bày trên thì bà T không ký biên bản.

Toà án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, bản khai của chị T, niêm yết thông báo về phiên hoà giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi Đăng ký nhân khẩu thường trú, tại nơi cư trú của anh Q theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên anh Q vẫn cố tình không đến toà án khai nhận và đưa ra quan điểm của mình, vì vậy toà án căn cứ vào lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết là phù hợp.

Về con chung, tài sản chung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn làm cơ sở để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Ngày 27/3/2020 Tòa án nhân dân huyện TO đưa vụ kiện ra xét xử theo luật định, tuy nhiên anh Q vắng mặt nên phiên tòa phải hoãn. Sau khi niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa theo luật định, tòa án mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh Q tiếp tục vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt anh Q là đúng theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị VTT và anh NHQ đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân UBND xã TC, huyện TO, Tp. HN ngày 24/5/2011 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ được nhà nước công nhận, nay có yêu cầu ly hôn, cần áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 để giải quyết.

- *Về mâu thuẫn của vợ chồng Hội đồng xét xử nhận định:* Căn cứ lời khai của chị Thúy cho thấy, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được một con chung, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì có nhiều mâu thuẫn, lý do chính là do anh Q sống không chung thủy, đã có con giềng, từ tháng 6 năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết anh Q biết việc tòa án

đang tiến hành tố tụng, tuy nhiên vẫn cố tình không khai báo, trình bày quan điểm, chứng tỏ việc xin đoàn tụ của vợ chồng là không có. Tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm ly hôn, xét mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn xử cho chị và anh Q được ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung*: Theo khai nhận của chị T trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung là NLC, sinh ngày 05/12/2011 hiện chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn chị có quan điểm nhận nuôi cháu C và không yêu cầu anh Q trợ cấp nuôi con chung, xét thấy cháu C đã đủ 07 tuổi và có quan điểm xin được ở với chị, xét yêu cầu này là phù hợp cần chấp nhận, tiếp tục giao cháu C cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Q trợ cấp nuôi con là tự nguyện, đúng pháp luật.

- *Về tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác*: Chị T trình bày không có nên không xem xét trong bản án này

Đại diện VKSND huyện TO, tham gia phiên tòa có quan điểm:

Từ khi nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ. Thẩm phán, thư ký đã tiến hành tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, không vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cần xem xét toàn bộ nội dung, căn cứ tài liệu đã thu thập được và trình bày của đương sự, chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn.

Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu NLC cho chị VTT tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều: 51, 53, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Điều 271,272,273 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- *Xử*: Chị VTT và anh NHQ được ly hôn.

- *Về con chung*: Giao cháu NLC, sinh ngày 05/12/2011 cho chị VTT tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ trợ cấp nuôi con chung cho anh NHQ cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu.

Anh NHQ có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ và các yêu cầu khác: Không xem xét trong bản này.

- Về án phí: Chị VTT phải chịu: 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 01991 ngày 05 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 13/5/2020. Anh NHQ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HN;
- VKSND Huyện TO;
- Các đương sự;
- UBND xã TC;
- Lưu Hồ Sơ .

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN TIẾN HÙNG